

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-ST

Ngày 30 – 9 - 2022

‘V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản’

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG TRỊ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Huyền Thương và bà Võ Thị Phương Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phú – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-DS ngày 14/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố B, phường A, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố D, phường C, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/7/2022, nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Trong các năm 2019 và năm 2020, bà Võ Thị T có 05 lần vay của chị Võ Thị H, với tổng số tiền là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), hai bên không thoả thuận về lãi suất và có cam kết thời hạn trả nợ của từng khoản tiền vay mượn. Cụ thể như sau:

- Ngày 17/4/2019 (tức ngày 13/3/2019 âm lịch) vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn trả hết nợ là ngày 07/01/2020 (tức ngày 13/12/2019 âm lịch).

- Ngày 29/4/2019 (tức ngày 25/3/2019 âm lịch) vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn trả hết nợ là ngày 19/01/2020 (tức ngày 25/12/2019 âm lịch).

- Ngày 05/4/2020 (tức ngày 13/3/2020 âm lịch) vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn trả hết nợ là ngày 24/4/2021 (tức ngày 13/3/2021 âm lịch).
- Ngày 18/4/2020 (tức ngày 26/3/2020 âm lịch) vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn trả hết nợ là ngày 07/5/2021 (tức ngày 13/3/2021 âm lịch).
- Ngày 20/4/2020 (tức ngày 28/3/2020 âm lịch) vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn trả hết nợ là ngày 18/7/2020 (tức ngày 28/5/2020 (âm lịch)).

Khi đến thời hạn trả các khoản nợ trên, mặc dù chị H đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T đều không thực hiện theo cam kết.

Nay chị Võ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị giải quyết buộc bà Võ Thị T trả nợ cho chị H. Cụ thể:

- Trả khoản tiền gốc 20.000.000 đồng vay ngày 17/4/2019 và tiền lãi 4.897.000 đồng (tạm tính từ ngày 08/01/2020 đến ngày 23/6/2022 là 29,5 tháng, lãi suất 0,83%/tháng). Cộng gốc và lãi là 24.897.000 đồng.
- Trả khoản tiền gốc 40.000.000 đồng vay ngày 29/4/2019 và tiền lãi 9.628.000 đồng (tạm tính từ ngày 20/01/2020 đến ngày 23/6/2022 là 29 tháng, lãi suất 0,83%/tháng). Cộng gốc và lãi là 49.628.000 đồng.
- Trả khoản tiền gốc 20.000.000 đồng vay ngày 05/4/2020 và tiền lãi 2.324.000 đồng (tạm tính từ ngày 25/4/2021 đến ngày 23/6/2022 là 14 tháng, lãi suất 0,83%/tháng). Cộng gốc và lãi là 22.324.000 đồng.
- Trả khoản tiền gốc 40.000.000 đồng vay ngày 18/4/2020 và tiền lãi 4.482.000 đồng (tạm tính từ ngày 08/5/2021 đến ngày 23/6/2022 là 13,5 tháng, lãi suất 0,83%/tháng). Cộng gốc và lãi là 44.482.000 đồng.
- Trả khoản tiền gốc 60.000.000 đồng vay ngày 20.4.2020 và tiền lãi 5.478.000 đồng (tạm tính từ ngày 19.7.2021 đến ngày 23/6/2022 là 11 tháng, lãi suất 0,83%/tháng). Cộng gốc và lãi là 65.478.000 đồng.

Tổng cộng 206.809.000 đồng (Hai trăm không sáu triệu tám trăm không chín nghìn đồng), trong đó tiền gốc 180.000.000 đồng, tiền lãi 26.809.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện cũng như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nguyên đơn yêu cầu Tòa án đưa ông Trương Như T, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố D, phường C, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng là chồng của bị đơn bà Võ Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại đơn trình bày ý kiến bổ sung đề ngày 30/9/2022 và tại phiên toà, nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày: Do phía bị đơn vi phạm về thời hạn trả tiền tại tất cả các giấy vay tiền ngày 17/4/2019; ngày 29/4/2019; ngày 05/4/2020; ngày 18/4/2020; ngày 20/4/2020 nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc đã vay và phải trả tiền lãi chậm trả với lãi

suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả của từng hợp đồng vay tạm tính lãi chậm trả tính đến ngày 23/6/2022, tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn phải trả tiền gốc đã vay và bổ sung yêu cầu bị đơn bà Võ Thị T phải trả lãi chậm trả 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả của từng hợp đồng vay tính đến ngày 30/9/2022. Cụ thể:

- Trả khoản tiền gốc 20.000.000 đồng vay ngày 17/4/2019 và tiền lãi 5.455.555 đồng (tính từ ngày 08/01/2020 đến ngày 30/9/2022 là 20.000.000 đồng x (10%: 360 ngày) x 982 ngày = 5.455.555 đồng). Cộng gốc và lãi là 25.455.555 đồng.

- Trả khoản tiền gốc 40.000.000 đồng vay ngày 29/4/2019 và tiền lãi 10.777.777 đồng (tính từ ngày 20/01/2020 đến ngày 30/9/2022 là 40.000.000 đồng x (10%: 360 ngày) x 970 ngày = 10.777.777). Cộng gốc và lãi là 50.777.777 đồng.

- Trả khoản tiền gốc 20.000.000 đồng vay ngày 05/4/2020 và tiền lãi 2.861.111 đồng (tính từ ngày 25/4/2021 đến ngày 30/9/2022 là 20.000.000 đồng x (10%: 360 ngày) x 515 ngày = 2.861.111 đồng). Cộng gốc và lãi là 22.861.111 đồng.

- Trả khoản tiền gốc 40.000.000 đồng vay ngày 18/4/2020 và tiền lãi 5.577.777 đồng (tính từ ngày 08/5/2021 đến ngày 30/9/2022 là 40.000.000 đồng x (10%: 360 ngày) x 502 ngày = 5.577.777 đồng). Cộng gốc và lãi là 45.577.777 đồng.

- Trả khoản tiền gốc 60.000.000 đồng vay ngày 20.4.2020 và tiền lãi 7.183.333 đồng (tính từ ngày 19.7.2021 đến ngày 30/9/2022 là 60.000.000 đồng x (10%: 360 ngày) x 431 ngày = 7.183.333 đồng). Cộng gốc và lãi là 67.183.333 đồng.

Tổng cộng 211.855.553 đồng (hai trăm mười một triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi ba đồng), trong đó tiền nợ gốc 180.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 31.855.553 đồng.

Tại phiên toà, nguyên đơn rút yêu cầu đưa ông Trương Như T, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố D, phường C, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng là chồng của bị đơn bà Võ Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Võ Thị T và ông Trương Như T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, văn bản gì gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H đề ngày 04/7/2022, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị xác định về quan hệ

pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng được giao kết và thực hiện thông qua bà Võ Thị H và bị đơn bà Võ Thị T cư trú tại khu phố D, phường C, thị xã Quảng Trị. Do đó, theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Võ Thị T thường xuyên vắng mặt nơi cư trú nên Tòa án không tổng đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà T, Tòa án đã làm thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng bà T vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải do đó Tòa án không tiến hành hoà giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất bà T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai bà T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện cũng như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nguyên đơn yêu cầu Tòa án đưa ông Trương Như T, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố D, phường C, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng là chồng của bị đơn bà Võ Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu đưa ông Trương Như T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Vấn đề này, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Trương Như T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, văn bản gì gửi cho Tòa án. Mặt khác, tại các Hợp đồng vay tiền giữa bà Võ Thị H và bà Võ Thị T cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không thể hiện ông Tuấn là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định không đưa ông Trương Như T vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

[4] Về nội dung: Tại các Hợp đồng vay tiền đề ngày 17/4/2019 (tức ngày 13/3/2019 âm lịch); ngày 29/4/2019 (tức ngày 25/3/2019 âm lịch); ngày 05/4/2020 (tức ngày 13/3/2020 âm lịch); ngày 18/4/2020 (tức ngày 26/3/2020 âm lịch); ngày 20/4/2020 (tức ngày 28/5/2020 âm lịch) được ký kết giữa bà Võ Thị H và bà Võ Thị T là hợp pháp, vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về khoản nợ gốc: Theo thỏa thuận trong Hợp đồng vay tiền đề ngày 17/4/2019 (tức ngày 13/3/2019 âm lịch) vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn trả hết nợ là ngày

07/01/2020 (tức ngày 13/12/2019 âm lịch); Hợp đồng vay tiền đề ngày 29/4/2019 (tức ngày 25/3/2019 âm lịch) vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn trả hết nợ là ngày 19/01/2020 (tức ngày 25/12/2019 âm lịch); Hợp đồng vay tiền đề ngày 05/4/2020 (tức ngày 13/3/2020 âm lịch) vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn trả hết nợ là ngày 24/4/2021 (tức ngày 13/3/2021 âm lịch); Hợp đồng vay tiền đề ngày 18/4/2020 (tức ngày 26/3/2020 âm lịch) vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn trả hết nợ là ngày 07/5/2021 (tức ngày 13/3/2021 âm lịch); Hợp đồng vay tiền đề ngày 20/4/2020 (tức ngày 28/3/2020 âm lịch) vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn trả hết nợ là ngày 18/7/2020 (tức ngày 28/5/2020 âm lịch). Nhưng đến nay bị đơn bà Võ Thị T vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn bà Võ Thị H khoản tiền nào, nên bà Võ Thị T đã vi phạm về mặt thời gian trả nợ. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H về việc đòi nợ gốc 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận. (Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự).

Về khoản nợ lãi: Tại các Hợp đồng vay tiền đề ngày 17/4/2019 (tức ngày 13/3/2019 âm lịch); ngày 29/4/2019 (tức ngày 25/3/2019 âm lịch); ngày 05/4/2020 (tức ngày 13/3/2020 âm lịch); ngày 18/4/2020 (tức ngày 26/3/2020 âm lịch); ngày 20/4/2020 (tức ngày 28/5/2020 âm lịch) thì giữa nguyên đơn bà Võ Thị H và bị đơn bà Võ Thị T không có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng do đến hạn bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tiền của từng hợp đồng vay tính đến nay xét xử sơ thẩm 30/9/2022 là có cơ sở đúng pháp luật (Điều 357 của Bộ luật dân sự). Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả tiền tại các Hợp đồng vay tiền đề ngày 17/4/2019 (tức ngày 13/3/2019 âm lịch); ngày 29/4/2019 (tức ngày 25/3/2019 âm lịch); ngày 05/4/2020 (tức ngày 13/3/2020 âm lịch); ngày 18/4/2020 (tức ngày 26/3/2020 âm lịch); ngày 20/4/2020 (tức ngày 28/5/2020 âm lịch) với tổng số tiền là 31.855.553 đồng (ba mươi một triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi ba đồng). Cụ thể: Lãi chậm trả của số tiền vay 20.000.000 đồng vào ngày 17/4/2019 là 5.455.555 đồng {tính từ ngày 08/01/2020 đến ngày 30/9/2022 là 20.000.000 đồng x (10% : 360 ngày) x 982 ngày = 5.455.555 đồng; Lãi chậm trả của số tiền vay 40.000.000 đồng vào ngày 29/4/2019 là 10.777.777 đồng {tính từ ngày 20/01/2020 đến ngày 30/9/2022 là 40.000.000 đồng x (10% : 360 ngày) x 970 ngày = 10.777.777}; Lãi chậm trả của số tiền vay 20.000.000 đồng vào ngày 05/4/2020 là 2.861.111 đồng {tính từ ngày 25/4/2021 đến ngày 30/9/2022 là 20.000.000 đồng x (10% : 360 ngày) x 515 ngày = 2.861.111 đồng}; Lãi chậm trả của số tiền vay 40.000.000 đồng vào ngày 18/4/2020 là 5.577.777 đồng {tính từ ngày 08/5/2021 đến ngày 30/9/2022 là

40.000.000 đồng x (10% : 360 ngày) x 502 ngày = 5.577.777 đồng}; Lãi chậm trả của số tiền vay 60.000.000 đồng vào ngày 20.4.2020 là 7.183.333 đồng {tính từ ngày 19.7.2021 đến ngày 30/9/2022 là 60.000.000 đồng x (10% : 360 ngày) x 431 ngày = 7.183.333 đồng}.

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Võ Thị T phải trả cho bà Võ Thị H số tiền là 211.855.553 đồng (hai trăm mười một triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi ba đồng), trong đó tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 31.855.553 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H.

Buộc bà bị đơn Võ Thị T phải trả cho nguyên đơn bà Võ Thị H số tiền là 211.855.553 đồng (hai trăm mười một triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi ba đồng), trong đó tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 31.855.553 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện số tiền có nghĩa vụ phải trả thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí: Bà Võ Thị T phải chịu 10.592.777 đồng (mười triệu năm trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.170.225 đồng (năm triệu một trăm bảy mươi nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000084 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Quảng Trị;
- Chi cục THADS thị xã Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Tiến